TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1183/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông La Thành V, sinh năm 1928.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Đường AA, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông La Thành V trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị K tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 do Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 3 năm 1987. Ông và bà K chung sống không có con

chung. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn giữa ông và bà K là bất đồng ý kiến, dẫn đến bà K có lời lẽ xúc phạm ông, do bị xúc phạm dẫn đến tình cảm của ông đối với bà K không còn, nên ông và bà K tự ly thân với nhau. Bà K tự dọn về nhà cha mẹ ruột của bà K ở từ năm 2000 cho đến nay. Năm 2000 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông có nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu được ly hôn với bà K , ông được Tòa án động viên nên đã rút đơn khởi kiện ly hôn với bà K.

Sau khi rút đơn khởi kiện ly hôn, thì bà K tự dọn về nhà cha mẹ ruột của bà K ở tại địa chỉ số đường AA, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Thời gian đầu lúc ly thân, thì bà K có đưa cho ông mỗi tháng 2 (Hai) triệu đồng để ông lo cơm cho bà K khoảng 2 năm, sau đó thì bà K không đưa nữa.

Trong thời gian ly thân thì ông và bà K cũng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông có khoản tiền tiết kiệm riêng để chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày.

Ông biết bà K bị bệnh ung thư vú, nhưng bà K phát bệnh ung thư sau vài năm ly thân chứ không phải là vợ chồng ly thân do bà K bị bệnh.

Do vợ chồng đã ly thân quá lâu, bản thân không còn tình cảm, yêu thương bà K nên ông yêu cầu được ly hôn với bà K.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc bà K yêu cầu ông hỗ trợ số tiền 2 (Hai) tỷ đồng là điều kiện của bà K đồng ý ly hôn với ông thì không đồng ý. Vì ông không có tiền để hỗ trợ cho bà K. Đối với căn nhà tại địa chỉ đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông với người vợ trước. Ông và con của ông đã bán nhà vào năm 2009 để lo tiền chữa bệnh cho con trai và cô ruột của ông nên không còn tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án trình bày như sau: Về điều kiện kết hôn và con chung thì bà xác nhận đúng như nguyên đơn ông Vtrình bày.

Bà thừa nhận vợ chồng trước đây là có mâu thuẫn, nhưng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Theo như ông V cho rằng bà xúc phạm, có lời lẽ thô tục với ông Vlà không có. Bà xác nhận trước khi ly thân với ông V, thì ông V có nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố

Hồ Chí Minh giải quyết. Sau khi, Tòa án động viên thì ông V rút đơn khởi kiện ly hôn khoảng vào năm 2000. Sau đó, thì bà và ông V không chung sống với nhau, bà dọn về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay vì bà không thể chung sống với ông V.

Mặc dù, trong thời gian bà và ông V không chung sống với nhau nhưng bà vẫn thường xuyên qua lại chăm sóc ông V. Bà phát bệnh ung thư năm 2014, còn việc bà dọn về cha mẹ bà ở là có lý do về ăn uống.

Bà đồng ý lý hôn với ông V với điều kiện là ông V phải hỗ trợ cho bà số tiền 2 (Hai) tỷ đồng, khoảng tiền này là ông V phải bù đắp tuổi thanh xuân cho bà đã dành cho ông V. Nếu ông V không hỗ trợ số tiền 2 (Hai) tỷ đồng thì bà không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn ông V trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu được ly hôn với bà K. Về nuôi con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản không yêu cầu giải quyết. Không đồng ý hỗ trợ bà K số tiền 2 (Hai) tỷ đồng, vì ông già yếu và không có tiền. Không có ý kiến gì về lời khai của người làm chứng.

- Bị đơn bà K trình bày: Không đồng ý ly hôn với ông V, nếu ông V không hỗ trợ cho bà số tiền 2 (Hai) tỷ đồng. Nếu, ông V hỗ trợ số tiền 2 (Hai) tỷ đồng thì bà đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung không có. Về chia tài sản không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông V. Cho ông V ly hôn với bà K. Về điều kiện của bà K đồng ý ly hôn với ông V nếu ông V hỗ trợ cho bà K số tiền 2 (Hai) tỷ đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét đơn của nguyên đơn ông V khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bị đơn bà K là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự qui định thì theo kết quả xác minh của Công an Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị đơn bà K hiện đang thực tế cư trú tại số đường AA, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 21/3/1987 thì ông La Thành V và bà Nguyễn Thị K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/3/1987 nên quan hệ hôn nhân của ông V và bà K là hợp pháp sẽ được giải quyết theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông V:

[2.1.1] Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như sau: "Hôn nhân là tự nguyện…" thì theo điều kiện của bà K yêu cầu ông V hỗ trợ cho bà số tiền 2 (Hai) tỷ đồng thì bà K đồng ý ly hôn với ông V, đây là khoảng tiền bù đắp tuổi thanh xuân cho bà K thì thể hiện cuộc sống chung của bà K và ông V đã có mâu thuẫn và cũng thể hiện bà K cũng không còn thương yêu ông V;

[2.1.2] Căn cứ vào lời khai của ông V cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2000. Bị đơn bà K cũng thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn nên vào năm 2000 ông V đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà K. Sau khi ông V rút đơn khởi kiện ly hôn, thì ông V và bà K ly thân và không chung sống cùng với nhau từ năm 2000 cho đến nay đã hơn 19 năm thì thể hiện tình trạng vợ chồng giữa ông V và bà K là không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống là chứng tỏ tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa ông V và bà K đã đến mức lâm vào trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn như sau: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*" và tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*.". Từ những căn cứ đã viện dẫn nêu trên nên yêu cầu của ông V được ly hôn với bà K là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về điều kiện của bị đơn bà K yêu cầu nguyên đơn ông V hỗ trợ số tiền 2 (Hai) tỷ đồng để đồng ý ly hôn. Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông V được chấp nhận. Bà K không tranh chấp với ông V số tiền 2 (Hai) tỷ đồng này, do ông V không tự nguyện đồng ý hỗ trợ cho bà K số tiền 2 (Hai) tỷ đồng vì già yếu, không có tiền. Nên việc bà K yêu cầu ông V hỗ trợ số tiền 2 (Hai) tỷ đồng này không được ghi nhận, do các đương sự không có tranh chấp nên không xét.

[2.3] Về nuôi con chung: Nguyên đơn ông V và bị đơn bà K cùng xác nhận con chung không có. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về chia tài sản: Nguyên đơn ông V và bị đơn bà K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí:

[3.1]Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[3.2] Theo giấy chứng minh nhân dân mang tên La Thành V thì ông Vsinh ngày 26/3/1928 nên nguyên đơn ông V thuộc đối tượng người cao tuổi là phù hợp tại Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định;

[3.3] Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì nguyên đơn ông Vthuộc trường hợp được miễm nộp án phí nên ông Vkhông phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng;

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông La Thành V

- Về hôn nhân: Cho ông La Thành V ly hôn bà Nguyễn Thị K.

- Về nuôi con chung: Không có

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông La Thành V được miễn án phí Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông La Thành V và bà Nguyễn Thị K được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

***Nơi nhận*:**
- *VKSND Quận 3;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS Q.3;*
- *Ủy ban nhân Phường 13, Quận 3, Tp. HCM.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn